

Bản án số: 170/2019/HSST
Ngày: 25/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ, TP HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mai Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Huy - Giáo viên nghỉ hưu
2. Ông Nguyễn Đình Thọ

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Thanh trì, TP Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trì xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 171/2019/HSST ngày 26/9/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: LÊ VIỆT H - Sinh ngày 29/9/2001 tại Hà Nội

(Bị cáo phạm tội 17 tuổi 05 tháng 20 ngày)

ĐKHKTT: tổ 7 H, phường P, quận H, TP Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Tự do

Trình độ văn hoá: 4/12

Con ông: Lê Hồng T

Con bà: Nguyễn Thị N

Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 02 anh em.

- TATS: không

(Danh chỉ bản số 0254 do công an huyện T lập ngày 14/7/2017)

Bắt quả tang và tạm giữ ngày 24/4/2019, tạm giam ngày 03/5/2019

Hủy bỏ biện pháp tạm giam ngày 21/6/2019. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

(Ngày 21/3/2019, tại Quyết định khởi tố bị can số 148/CQĐT của Cơ quan Điều tra - Công an huyện C, TP Hà Nội, Lê Việt H đã bị khởi tố về tội trộm cắp tài sản xảy ra ngày 14/3/2019 tại khu H, thị trấn C, huyện C, TP Hà Nội. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn

chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 07/10/2019, VKSND huyện C, TP Hà Nội ban hành Cáo trạng số 109/CT-VKS truy tố Lê Việt H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 - BLHS 2015)

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: Ông Lê Hồng T - SN 1963 và bà Nguyễn Thị N - SN 1965 (là bố mẹ đẻ bị cáo, có mặt tại phiên tòa)

Cư trú tại: tổ 7 H, phường P, quận H, TP Hà Nội.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Bùi Thị Hải L - SN 1976, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý TP Hà Nội; địa chỉ: số 2, phố Q, quận H, TP Hà Nội (Bà L có mặt tại phiên tòa)

- Người bị hại:

1/ Chị Bùi Thị H - SN 1990 (Vắng mặt)

Cư trú tại: số nhà 228 đường T, xã T, huyện T, TP Hà Nội.

2/ Chị Nguyễn Thị T - SN 1993 (Vắng mặt)

ĐKHKTT: thôn H, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Phạm Thị P - SN 1991 (Vắng mặt)

ĐKHKTT: thôn T, xã L, huyện Ú, TP Hà Nội

2/ Anh Lê Văn B - SN 1991 (Có mặt)

Cư trú tại: tổ 7 H, phường P, quận H, TP Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 24/4/2019, Lê Việt H điều khiển xe mô tô Honda Wave Anpha, BKS 88F6-9380 đi quanh khu vực T, huyện T, TP Hà Nội với mục đích trộm cắp tài sản. Đến khoảng 20h40', H đi vào cửa hàng thuốc T ở đội 1, xã T, huyện T, TP Hà Nội giả vờ hỏi mua thuốc và xin chị Nguyễn Thị T là nhân viên bán thuốc một hộp bìa các tông để đựng đồ. Lợi dụng lúc chị T quay lưng đi vào bên trong lấy hộp, H với tay qua mặt tủ kính rồi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S Plus màu vàng của chị T để bên trong tủ và bỏ đi thì bị phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng. Ngoài ra Cơ quan Công an còn thu giữ của H 01 xe mô tô BKS 88F6-9380.

Tại Cơ quan Điều tra, H khai nhận thêm: khoảng 19h ngày 20/3/2019, H điều khiển chiếc xe mô tô nói trên đến hiệu thuốc H ở số 228 đường T thuộc đội 1, xã T, huyện T, TP Hà Nội và giả vờ hỏi mua thuốc với mục đích nếu phát hiện sơ hở thì sẽ trộm cắp. Lợi dụng lúc

chị H là chủ cửa hàng thuốc cúi xuống lấy thuốc, H đã trộm cắp chiếc điện thoại Iphone X màu đen của chị Bùi Thị H để trên mặt tủ rồi bỏ đi. Trên đường đi, H tháo sim điện thoại vứt ở gần cổng trường N ở đội 1, xã T, huyện T, TP Hà Nội rồi mang chiếc điện thoại này bán cho chị Phạm Thị P là chủ cửa hàng mua bán điện thoại Đ ở khu tập thể M, xã T, huyện T, Hà Nội với giá 800.000 đồng. Chị P đã bán chiếc điện thoại này cho người không quen biết và hiện không thu hồi được.

Bản kết luận định giá tài sản số 102/KLĐG ngày 02/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 chiếc điện thoại Iphone 6S Plus màu vàng đã qua sử dụng có trị giá là 4.800.000 đồng; 01 chiếc điện thoại Iphone X màu đen đã qua sử dụng có trị giá là 14.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 18.800.000 đồng.

Quá trình điều tra thấy Lê Việt H có dấu hiệu bị bệnh tâm thần nên ngày 27/5/2019, Cơ quan Điều tra - Công an huyện T đã ra quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với Hòa. Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần số 250/KLGD ngày 30/7/2019 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương - Bộ Y tế kết luận: Trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị can Lê Việt H bị chậm phát triển tâm thần nhẹ. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F70. Tại các thời điểm trên bị can hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Năng lực trách nhiệm hình sự của Lê Việt H thuộc thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng.

Quá trình điều tra xác định ngoài hai lần phạm tội nêu trên, ngày 14/3/2019 H đã trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI M5 và 01 chiếc điện thoại Iphone 6S Plus tại khu vực H, thị trấn C, huyện C, TP Hà Nội và đã bị Công an huyện C ra quyết định khởi tố bị can và cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện nay vụ án đang trong giai đoạn điều tra.

Cơ quan Điều tra - Công an huyện Thanh Trì đã trao trả chị Nguyễn Thị T chiếc điện thoại Iphone 6S Plus màu vàng, chị T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì

Đối với chiếc điện thoại Iphone X màu đen của chị Bùi Thị H do không thu hồi được nên chị H yêu cầu bị cáo H phải bồi thường giá trị chiếc điện thoại là 20.000.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô Honda Wave Anpha, BKS 88F6-9380, quá trình điều tra chưa đủ căn cứ để xác định chủ sở hữu nên Cơ quan Điều tra - Công an huyện T đã ra quyết định tách phần tài liệu liên quan đến chiếc xe này để điều tra xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 169/CT-VKSTT ngày 23/9/2019, VKSND huyện Thanh Trì truy tố Lê Việt H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 - BLHS 2015.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố đúng hành vi bị cáo đã thực hiện, thấy được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, hối hận và đề nghị Tòa xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Ông T và bà N là người đại diện theo pháp luật cho bị cáo trình bày: do bị tai nạn từ nhỏ nên tâm thần của bị cáo không được bình thường, không đi học được, có một thời gian khoảng hai năm, bị cáo đi đâu làm gì gia đình không nắm được. Hiện nay bị cáo chưa lập gia đình và vẫn sống phụ thuộc vào bố mẹ, ông bà đã sử dụng nhiều biện pháp, thậm chí đã xích chân nhưng không thể quản lý được bị cáo. Gia đình ông bà đã bồi thường cho chị Bùi Thị H số tiền 5.000.000 đồng, chị H đã nhận tiền và không yêu cầu gì thêm. Ông bà đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa, ông bà xuất trình các tài liệu về việc ông bà đã bồi thường cho chị Bùi Thị H số tiền 5.000.000 đồng; chị H không yêu cầu gì thêm. Chị H và chị T đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bà Bùi Thị Hải L có quan điểm: về tội danh của bị cáo, bà không có ý kiến gì. Bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần. Tuy nhiên bị cáo có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu; bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi; gia đình bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả; những người bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội để giáo dục bị cáo.

Anh B trình bày: chiếc xe máy Wave Anpha BKS 88F6-9380 là của anh mua cách đây khoảng bốn năm, mua của một sinh viên không quen biết với giá 1.000.0000 đồng để đi lại. Khi mua có giấy tờ xe nhưng hiện nay đã bị thất lạc. Anh để chiếc xe này cho bà N làm phương tiện đi lại, khi Lê Việt H lấy xe làm phương tiện để đi trộm cắp, gia đình không biết. Do chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan Điều tra đã ra quyết định tách phần hồ sơ liên quan đến chiếc xe để điều tra xử lý sau, anh không có ý kiến gì.

Đại diện VKSND huyện Thanh Trì giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian đã tạm giam từ 24/4/2019 đến 21/6/2019 về tội trộm cắp tài sản.

Về dân sự: các bên đã tự thỏa thuận và bồi thường, không có yêu cầu gì về dân sự nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Ngày 20/3/2019, tại hiệu thuốc H tại số nhà 228 đường T thuộc xã T, huyện T, TP Hà Nội, lợi dụng lúc chủ sở hữu sơ hở, Lê Việt H đã trộm cắp của chị Bùi Thị H 01 chiếc điện thoại di động Iphone X màu đen có trị giá là 14.000.000 đồng. Ngày 24/4/2019, tại hiệu thuốc T tại đội 1, xã T, huyện T, TP Hà Nội, Lê Việt H tiếp tục trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S Plus màu vàng của chị Nguyễn Thị T có trị giá 4.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Lê Việt H đã trộm cắp là 18.800.000 đồng. Như vậy, các hành vi nêu trên của Lê Việt H đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 - BLHS 2015. VKSND huyện Thanh Trì truy tố bị cáo ra xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là có căn cứ pháp lý.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội, do vậy cần thiết xử lý bị cáo bằng pháp luật để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Ngoài ra, ngày 14/3/2019 bị cáo còn trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI M5 và 01 chiếc điện thoại Iphone 6S Plus tại thôn Hòa Sơn, thị trấn C, huyện C, TP Hà Nội và đã bị Công an huyện C ra quyết định khởi tố bị can và cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện nay vụ án đang trong giai đoạn điều tra. Như vậy, chỉ trong thời gian ngắn, bị cáo liên tục thực hiện hành nhiều hành vi phạm tội. Do đó để phòng ngừa việc bị cáo có thể tiếp tục phạm tội, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần; có tình tiết giảm nhẹ là: chưa tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả; bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi; các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, có thể để bị cáo mức án vừa phải cũng đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo. Bị cáo đã bị tạm giữ tạm giam từ ngày 24/4/2019 đến ngày 21/6/2019 nên thời gian này sẽ được trừ vào thời chấp hành hình phạt tù của bị cáo. Bị cáo phạm tội khi chưa đủ tuổi thành niên (*mới 17 tuổi 05 tháng 20 ngày*) nên cần áp dụng các quy định pháp luật cho người chưa thành niên phạm tội đối với bị cáo.

[4] Đối với hành các vi phạm cấp ngày 14/3/2019 của bị cáo tại thôn H, thị trấn C, huyện C, TP Hà Nội, hiện nay Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền chưa xét xử

Về dân sự: người bị hại là chị Nguyễn Thị T đã nhận lại chiếc điện thoại Iphone 6S Plus màu vàng, chị Bùi Thị H đã được gia đình bị cáo bồi thường 5.000.000 đồng - do những người này đều không yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô do Trung Quốc sản xuất BKS 88F1 - 9380, số khung VLKPCG012LK024204, số máy LKZS150FMG2000024204, do chưa xác định được chủ sở hữu nên Cơ quan Điều tra - Công an huyện T đã ra quyết định tách phần tài liệu liên quan đến chiếc xe này để điều tra xử lý sau là có căn cứ

Về hình phạt bổ sung: xét bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 - BLTTHS 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Về quyền kháng cáo: bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 333 - BLTTHS 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Lê Việt H phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 101 - BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt: phạt **Lê Việt H 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/4/2019 đến ngày 21/6/2019.

*** Về án phí:** áp dụng Điều 136 - BLTTH 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST

*** Về quyền kháng cáo:** áp dụng các Điều 331, 333 - BLTTHS 2015

Bị cáo, người đại diện cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Bùi Thị H, chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết

Anh Lê Văn B có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Chị Phạm Thị P có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

*** Về việc thi hành án:** áp dụng Điều 26 - Luật thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND TP Hà Nội
- VKSND huyện Thanh Trì, TP Hà Nội
- Công an huyện T, TP Hà Nội
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện T, TP Hà Nội
- Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T, TP Hà Nội
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu HSVÁ, VP

Đỗ Thị Mai Thu

